

Số: **163** /QĐ-BCĐPCRT

Hà Nội, ngày **12** tháng **4** năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền;

Xét đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền,

QUYẾT ĐỊNH:

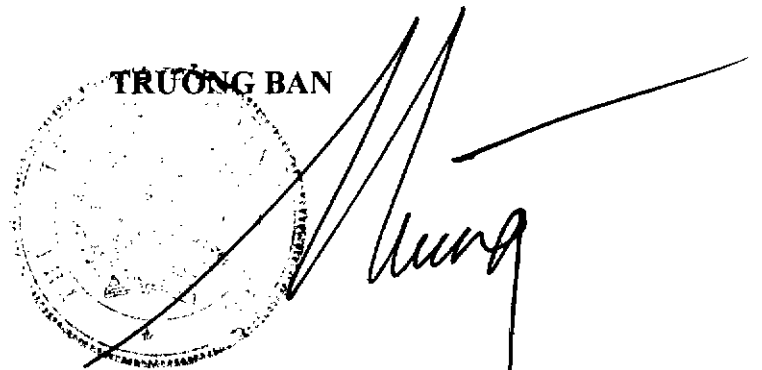
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương, Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ ;
- Các Phó Thủ tướng CP
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, TKBT, TCCV, PL, Công TTĐT;
- Lưu: VT, BCĐPCRT (3). **130**

TRƯỞNG BAN


Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ -BCĐPCRT
ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Trưởng Ban Chỉ đạo).*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Vị trí, chức năng của Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền

Ban Chỉ đạo về phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) là tổ chức phối hợp liên ngành giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và điều phối hoạt động giữa các Bộ, ngành trong công tác phòng, chống rửa tiền trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo hoạt động theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức, hữu quan trong việc phòng, chống rửa tiền.

2. Ban Chỉ đạo thảo luận tập thể và quyết định các vấn đề về phương hướng, chương trình, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền của quốc gia; chương trình công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo.

3. Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, triển khai công tác phòng, chống rửa tiền theo chức năng nhiệm vụ của Bộ, ngành mình và theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

4. Ý kiến tham gia của các thành viên trong các hoạt động của Ban Chỉ đạo đồng thời cũng là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức mà thành viên đó là lãnh đạo.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo

Theo quy định tại Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

2. Phê duyệt thành viên Ban Chỉ đạo và quyết định bổ sung, thay thế thành viên Ban Chỉ đạo khi cần thiết.

3. Triệu tập, chủ trì (hoặc ủy quyền cho các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo triệu tập, chủ trì) các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng Ban Chỉ đạo thường trực là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo trong công tác xây dựng chiến lược, chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch, cơ chế, giải pháp trong việc phòng, chống rửa tiền;

b) Chủ trì, theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho Trưởng Ban chỉ đạo trong việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong Nhóm Châu Á-Thái Bình Dương về Chống rửa tiền (APG), thực hiện 40+9 Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố (FATF);

c) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý;

d) Thành lập, điều hành và thay đổi thành viên Tổ thường trực giúp việc trên cơ sở đề nghị, chấp thuận của các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo;

đ) Chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo khi được Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban là Lãnh đạo Bộ Công an:

a) Tham mưu giúp Trưởng Ban Chỉ đạo trong công tác xây dựng chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch, cơ chế, giải pháp đấu tranh chống tội phạm rửa tiền và tài trợ cho khủng bố; trong việc thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về điều tra và dẫn độ tội phạm rửa tiền và tài trợ cho khủng bố;

b) Tổng hợp, thống kê số liệu điều tra liên quan đến phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố để cung cấp cho Ban Chỉ đạo khi được yêu cầu;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực do Bộ Công an quản lý;

d) Chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo khi được Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn chung của các thành viên Ban Chỉ đạo

1. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo, xây dựng các kế hoạch riêng để thực hiện các nhiệm vụ của Bộ, ngành mình; kiểm tra, đôn đốc thực hiện việc xây dựng chính sách, kế hoạch, chương trình, biện pháp phòng, chống rửa tiền thuộc lĩnh vực Bộ, ngành mình quản lý.

2. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những việc được phân công, về chỉ đạo công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực do Bộ, ngành mình quản lý; tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong Ban Chỉ đạo.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể khác của từng thành viên trong Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Toà án nhân dân tối cao:

a) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo về tình hình xét xử tội phạm rửa tiền, tài trợ cho khủng bố và các tội phạm nguồn của tội phạm rửa tiền; các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong việc xử lý các tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố cũng như chủ trương xử lý đối với các loại tội phạm này trong từng thời kỳ;

b) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc ban hành quy định cho thi hành các quyết định bản án của tòa án nước ngoài có liên quan tới rửa tiền và tài trợ cho khủng bố trên lãnh thổ Việt Nam;

c) Thực hiện hướng dẫn xét xử đối với tội phạm rửa tiền và các tội phạm nguồn;

d) Thống kê số liệu liên quan tới việc xét xử tội phạm rửa tiền và các tội phạm nguồn (số vụ án, số bị cáo, án phạt tù, phạt tiền, số tiền bị tịch thu,...) để báo cáo Ban Chỉ đạo khi được yêu cầu.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo về tình hình truy tố tội phạm rửa tiền, tài trợ cho khủng bố và các loại tội phạm nguồn; về các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong việc xử lý các tội phạm rửa tiền, tài trợ cho khủng bố cũng như chủ trương xử lý đối với các loại tội phạm này trong từng thời kỳ;

b) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong hoạt động hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ tội phạm liên quan đến tội phạm rửa tiền và tài trợ cho khủng bố;

c) Phối hợp tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc xây dựng cơ chế pháp luật liên quan tới dẫn độ, điều tra, truy tố tội phạm rửa tiền, tội phạm tài trợ cho khủng bố;

d) Thực hiện công tác thống kê, tổng hợp số liệu các vụ án rửa tiền, khủng bố và các tội phạm nguồn để báo cáo Ban Chỉ đạo khi được yêu cầu.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ:

a) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo trong việc nghiên cứu, hướng dẫn và triển khai các biện pháp về phòng, chống rửa tiền gắn với các tội phạm về tham nhũng;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng thống nhất quy trình thanh tra, kiểm tra của các tổ chức thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ:

Thực hiện công tác ban hành các văn bản chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Tư pháp:

a) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về chống rửa tiền;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong hoạt động hỗ trợ tư pháp;

c) Tổng hợp, thống kê, báo cáo số liệu về thi hành án dân sự trong các vụ án hình sự có liên quan đến rửa tiền;

d) Làm đầu mối phối hợp liên ngành trong việc thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

đ) Theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Ngoại giao:

a) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các Bộ, ngành liên quan tham gia các điều ước và thỏa thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố;

b) Tham mưu cho Ban chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các Bộ, ngành liên quan về hợp tác quốc tế, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Nội vụ:

Tham mưu cho Ban chỉ đạo về việc quản lý hoạt động của các tổ chức phi lợi nhuận trong nước để phòng tránh các tội phạm rửa tiền và tài trợ cho khủng bố.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Tài chính:

a) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc nghiên cứu, xây dựng chính sách, kế hoạch, chương trình, biện pháp phòng, chống rửa tiền đối với các hoạt động do Bộ Tài chính quản lý gồm: chứng khoán, bảo hiểm, trò chơi may rủi, xổ số, thuế, hải quan.

b) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo về cơ chế tài chính, việc quản lý kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo.

9. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc nghiên cứu, xây dựng chính sách, kế hoạch, chương trình, biện pháp phòng, chống rửa tiền thông qua các hoạt động đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài;

b) Rà soát, nghiên cứu về việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động đăng ký kinh doanh nhằm phòng, chống lạm dụng pháp nhân để rửa tiền.

10. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông:

Tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc tổ chức tuyên truyền về hoạt động của Ban Chỉ đạo và về công tác phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố.

11. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên là Lãnh đạo Bộ Quốc phòng:

Triển khai các biện pháp kiểm soát người, tiền và hàng qua biên giới để tránh bị lợi dụng cho hoạt động rửa tiền và tài trợ cho khủng bố.

Điều 8. Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ:

- a) Tham mưu toàn diện cho Ban Chỉ đạo về công tác phòng, chống rửa tiền và hoạt động của Ban Chỉ đạo;
- b) Đôn đốc các Bộ, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các hoạt động của Ban Chỉ đạo, các chỉ đạo của Trưởng Ban chỉ đạo; tập hợp, đánh giá các khó khăn, thuận lợi trong công tác phòng, chống rửa tiền; kịp thời đề xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo;
- c) Làm đầu mối tham mưu cho Ban Chỉ đạo trong việc chỉ đạo, điều phối thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong APG; triển khai kế hoạch tiến tới thực hiện đầy đủ 40+9 Khuyến nghị của FATF;
- d) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc ban hành chính sách, chương trình, kế hoạch, giải pháp chống tài trợ cho khủng bố trên lãnh thổ Việt Nam;
- đ) Phối hợp, điều phối hoạt động giữa các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo; đảm bảo duy trì chế độ thông tin giữa các thành viên Ban Chỉ đạo;
- e) Chuẩn bị tài liệu, dự thảo thông báo, phục vụ các cuộc họp, các hoạt động của Ban Chỉ đạo;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 9. Tổ thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo (Tổ thường trực giúp việc)

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định bổ sung, thay đổi các thành viên Tổ thường trực giúp việc trên cơ sở đề nghị, chấp thuận của các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo.

2. Tổ thường trực giúp việc có chức năng, nhiệm vụ sau:

Thảo luận, nghiên cứu các chiến lược, chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, báo cáo trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền trước khi báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

3. Thành viên Tổ thường trực giúp việc có chức năng, nhiệm vụ sau:

- a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp theo yêu cầu của lãnh đạo Ban Chỉ đạo, Tổ trưởng Tổ thường trực giúp việc;
- b) Giúp việc lãnh đạo của Bộ, ngành mình là thành viên Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo;
- c) Làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chịu sự điều hành của Phó Trưởng Ban thường trực.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Điều 10. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo họp thường kỳ một năm hai lần và đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo và có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung về lĩnh vực được phân công. Trưởng họp không thể dự họp được, thành viên Ban Chỉ đạo có thể ủy quyền cho người có thẩm quyền khác tham dự nhưng phải chịu trách nhiệm về ý kiến tham gia người được ủy quyền.

3. Tổ thường trực giúp việc họp thường kỳ bốn lần trong năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổ trưởng.

Điều 11. Chế độ thông tin

Trưởng Ban Chỉ đạo, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định về loại thông tin được phép công khai, loại thông tin mật, không phổ biến về hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ sáu tháng (hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo) Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo có báo cáo về hoạt động của Ban Chỉ đạo gửi các thành viên Ban Chỉ đạo, gửi Bộ Nội vụ.

2. Định kỳ hàng Quý, Tổ thường trực giúp việc có báo cáo Ban Chỉ đạo về tình hình thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền của các thành viên Ban Chỉ đạo và Bộ, ngành liên quan.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

Điều 13. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do Ngân sách Nhà nước đảm bảo và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các chi phí liên quan tới hoạt động của Ban chỉ đạo được thực hiện theo định mức chi theo chế độ quy định. Các mức chi do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định theo đề nghị của Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo và Bộ Tài Chính, nội dung chi bao gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, của Tổ thường trực giúp việc; chi tổ chức các cuộc hội thảo, khảo sát thực tiễn, học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước;

b) Chi công tác phí cho các thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Tổ thường trực giúp việc;

c) Chi văn phòng phẩm phục vụ hoạt động trực tiếp của Ban Chỉ đạo, Tổ thường trực giúp việc;

d) Chi khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống rửa tiền;

đ) Các chi phí khác do Trường Ban Chỉ đạo quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

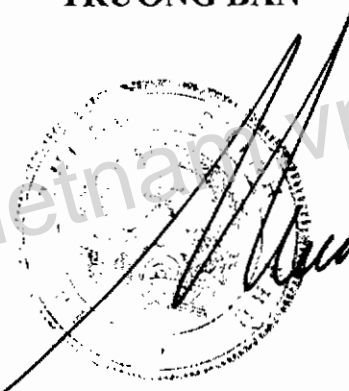
1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực, Tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Trường Ban Chỉ đạo quyết định./.

TRƯỞNG BAN



Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng